

Bản án số: 23/2017/LĐ-PT

Ngày 29-9-2017

V/v tranh chấp về trợ cấp thôi việc
và tranh chấp chi phí đào tạo nghề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phượng
Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp về trợ cấp thôi việc” và “tranh chấp về chi phí đào tạo nghề”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 11/2017/LĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 41/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2017, Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 17/2017/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2017 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 46/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1973; cư trú tại khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty cổ phần D; địa chỉ tại phường C, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Cao N - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1961 – Trưởng phòng Tổ chức hành chính. (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2016).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty cổ phần D.
(Ông L và bà L1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Văn L trình bày:

Ông làm việc tại xưởng sản xuất của Công ty cổ phần D (sau đây gọi tắt là Công ty D) từ ngày 10/6/1997 theo hợp đồng lao động số 11/97 ngày 09/6/1997, mức lương khi mới vào làm hệ số 1,46, mức lương đến thời điểm nghỉ việc ngày 30/12/2015 là 5.692.000đ/tháng và được hưởng các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Trong quá trình làm việc tại Công ty D, ông không có sai phạm gì.

Tháng 9/2009, ông xin đi học lớp đại học dự bị và được Công ty D đồng ý. Công ty D yêu cầu ông phải viết bản cam kết thực hiện các quy định do Công ty D đề ra, nếu không thực hiện hoặc thực hiện trái với cam kết, ông bồi hoàn tất cả các chi phí (nếu có) mà Công ty D đã hỗ trợ cho ông.

Ngày 01/11/2015, ông làm đơn xin nghỉ việc và được Công ty D đồng ý. Ngày 22/12/2015, Công ty D ban hành Quyết định số 357/QĐ-CTCPD về việc giải quyết nghỉ việc đối với ông từ ngày 01/01/2016. Theo danh sách chi tiền trợ cấp nghỉ việc, Công ty D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông theo mức lương 3.100.000đ là không đúng với mức lương trước khi ông nghỉ việc nên đến nay ông chưa nhận tiền trợ cấp thôi việc.

Ông khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông (tính theo mức lương ông đang hưởng là 5.692.000đ/tháng), với số tiền $(5.692.000đ : 2) \times 12 \text{ năm} = 34.152.000đ$ và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 08/01/2016 đến ngày 08/3/2017 là $(34.152.000đ \times 0,75\%/tháng \times 14 \text{ tháng}) = 3.585.960đ$, tổng cộng là 37.737.960đ.

Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty D về việc yêu cầu ông hoàn trả tiền bảo hiểm xã hội là 33.012.564đ và tiền lãi theo mức 09%/năm tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là 2.971.131đ, tổng cộng là 35.983.695đ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mỹ L1 trình bày:

Công ty D nhất trí nội dung trình bày của ông Ngô Văn L (sau đây gọi tắt là ông L) về việc ký kết hợp đồng lao động, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện. Về mức lương, phía Công ty D cho rằng mức lương 5.692.000đ/tháng thời điểm ông L nghỉ việc ngày 30/12/2015 là mức lương đóng bảo hiểm, mức lương bình quân thu nhập của 06 tháng cuối năm 2015 của ông L là 1.733.000đ/tháng. Ngoài ra, ông L còn được hưởng các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Ngày 23/8/2009, ông L trình cho Công ty D giấy báo trúng tuyển đại học được hệ liên thông đào tạo theo địa chỉ năm 2009 của Trường Đại học E và đề nghị Công ty D ra quyết định cử cán bộ công nhân viên đi học. Ngày 03/9/2009, giám đốc Công ty D đã ra Quyết định số 01/QĐ-CTCPD về việc cử cán bộ công nhân viên đi học. Ông L làm bản cam kết sau khi tốt nghiệp trở về phải phục vụ công tác tại Công ty D với thời gian ít nhất 10 năm, nếu thực hiện trái với cam kết, ông L phải bồi hoàn tất cả các chi phí (nếu có) mà Công ty D hỗ trợ cho ông L. Tháng 9/2013, ông L tốt nghiệp và được Công ty D phân công làm việc tại xưởng sản xuất từ ngày 01/10/2013. Từ ngày 01/10/2014, ông L làm việc tại Phòng Kế hoạch kinh doanh thị trường và từ ngày 01/01/2015, ông L được bổ nhiệm công tác phụ trách kho khu vực Biên Hòa.

Tháng 11/2015, ông L làm đơn xin nghỉ việc và được Công ty D đồng ý. Ngày 22/12/2015, Công ty D ban hành Quyết định số 357/QĐ-CTCPD về việc giải quyết nghỉ việc đối với ông L từ ngày 01/01/2016. Theo danh sách chi tiền trợ cấp nghỉ việc thì Công ty D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho ông L theo mức lương 3.100.000đ là căn cứ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động.

Sau khi lập danh sách chi tiền trợ cấp nghỉ việc, Công ty D đã kiểm tra lại hồ sơ cá nhân và nhận thấy ông L sau khi tốt nghiệp trở về chỉ làm việc cho Công ty D 02 năm 03 tháng là vi phạm nội dung bản cam kết ngày 03/9/2009 nên Công ty D quyết định ngưng chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông L.

Công ty D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu Công ty D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc số tiền là $(5.692.000đ : 2) \times 12 \text{ năm} = 34.152.000đ$ và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 08/01/2016 đến ngày 08/3/2017 là $(34.152.000đ \times 0,75\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng}) = 3.585.960đ$, tổng cộng là 37.737.960đ.

Công ty D có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L hoàn trả cho Công ty D tiền bảo hiểm xã hội đã đóng là 33.012.564đ và tiền lãi theo mức 09%/năm tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là 2.971.131đ, tổng cộng là 35.983.695đ.

Tại bản án sơ thẩm số: 11/2017/LĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ Điều 35, Điều 220, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 36, Điều 48 Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 18, Điều 92 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn L.

Buộc Công ty cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn L tiền trợ cấp thôi việc là 34.152.000đ và tiền lãi chậm thanh toán là 3.585.960đ, tổng cộng là 37.737.960đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần D về việc yêu cầu ông Ngô Văn L hoàn trả tiền bảo hiểm xã hội là 33.012.564đ và tiền lãi là 2.971.131đ, tổng cộng là 35.983.695đ (ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí và về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/5/2017, Công ty cổ phần D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử buộc ông Ngô Văn L hoàn trả số tiền bảo hiểm xã hội 33.012.564đ và lãi suất tạm tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2017 là 3.961.508đ, tổng cộng là 36.974.072đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định lại kháng cáo yêu cầu ông L trả chi phí đào tạo nghề bao gồm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là 32.879.016đ và tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là $32.879.016đ \times 09\%/năm \times 1 = 2.959.111đ$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về xác định quan hệ pháp luật: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp về trợ cấp thôi việc” và “tranh chấp về bảo hiểm xã hội” là không đúng vì tranh chấp bảo hiểm xã hội trong vụ án thực chất là tranh chấp về chi phí đào tạo nghề. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về xác định quan hệ pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội 2006 thì Công ty D phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho ông L. Tuy nhiên, căn cứ vào bản cam kết ông L ký với Công ty D và Quyết định cử đi học số 01/QĐ-CTCPD ngày 03/9/2009 có yêu cầu ông L “đảm bảo thực hiện đúng các điều cam kết với công ty” là sau khi học xong về phục vụ tại Công ty D ít nhất 10 năm. Nếu ông L vi phạm cam kết, ông L phải bồi thường các chi phí mà công ty hỗ trợ cho ông L và công ty sẽ không giải quyết các chế độ, quyền lợi khác về lao động. Tại quyết định cho nghỉ việc số 357/QĐ-CTCPD ngày 22/12/2015 thì ông L phải “thanh toán các khoản nợ nếu có trước khi nghỉ việc”. Do đó, yêu cầu của Công ty D là có căn cứ, buộc ông L phải trả cho Công ty D chi phí đào tạo nghề tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2013 là 32.879.016đ.

Về lãi suất: Do tranh chấp chi phí đào tạo nghề là tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất của Công ty D.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty D, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L phải trả cho Công ty D chi phí đào tạo nghề tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2013 là 32.879.016đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thời hiệu yêu cầu khởi kiện và phản tố: Đơn khởi kiện của ông Ngô Văn L còn trong thời hiệu khởi kiện. Về đơn phản tố của bị đơn, xét tuy ngày 05/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố B nhận được đơn có tiêu đề Đơn phản tố của Công ty D. Tuy nhiên, tại Công văn số 1225/CV.CTCPD, ngày 01/11/2016 của Công ty D gửi Tòa án nhân dân thành phố B có nội dung phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông L hoàn trả cho Công ty D số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Công ty đã đóng trong thời gian ông L tham gia học tại Đại học E. Do đó, căn cứ vào Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, thời hiệu yêu cầu phản tố của Công ty D vẫn còn.

- Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty D có đơn phản tố yêu cầu ông L trả lại tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Công ty đã đóng trong thời gian ông L tham gia học tại Đại học E từ tháng 10/2009 đến tháng 9/2013, theo Quyết định cử cán bộ công nhân viên đi đào tạo của Công ty D và Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai (BL 464). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “về bảo hiểm xã hội” là không chính xác, do căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 62 của Bộ luật Lao động 2012, quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp về chi phí đào tạo nghề”. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án cần được sửa chữa.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Về nội dung phản tố của Công ty yêu cầu ông L hoàn trả chi phí đào tạo nghề, cụ thể là tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian ông L tham gia học tại Trường Đại học E từ tháng 10/2009 đến tháng 9/2013 là 32.879.016đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty D là công ty có vốn Nhà nước. Ông L được Công ty D và Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai ra quyết định cử đi học tại Trường Đại học E. Ngày 03/9/2009, ông L làm bản cam kết với nội dung “...Nay tôi làm bản cam kết sau khi đã học tốt nghiệp trở về phục vụ công tác tại Công ty với thời gian ít nhất là 10 năm (mười năm). Trong thời gian đi học, tôi chấp hành đúng các quy định do Công ty đề ra. Nếu thực hiện trái với cam kết này tôi xin bồi hoàn tất cả các chi

phí (nếu có) mà Công ty hỗ trợ cho tôi. Về phía Công ty nếu cá nhân tôi có vi phạm cam kết, Công ty sẽ không giải quyết các chế độ, quyền lợi khác về lao động”.

Sau khi tốt nghiệp trở về, ông L bắt đầu làm việc tại Công ty D từ ngày 01/10/2013, đến ngày 01/01/2016 thì xin nghỉ việc do hoàn cảnh cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận buộc Công ty trợ cấp thôi việc theo mức lương ông L khởi kiện là có cơ sở. Tuy nhiên, về việc không chấp nhận nội dung phản tố của Công ty, Hội đồng xét xử xét sau khi được đào tạo về, thời gian ông L đi làm lại tại Công ty D là 02 năm 03 tháng, không đủ 10 năm như đã cam kết. Mặt khác, theo Điều 2 Quyết định số 357/QĐ-CTCPD về việc giải quyết nghỉ việc đối với ông L thì *“ông Ngô Văn L có trách nhiệm trả lại thẻ bảo hiểm y tế, thẻ nhân viên và thanh toán các khoản nợ (nếu có) trước khi nghỉ việc”* (BL 19). Do đó, Công ty D phản tố yêu cầu ông L hoàn trả chi phí đào tạo, cụ thể là số tiền Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian ông L tham gia học tại Đại học E từ tháng 10/2009 đến tháng 9/2013, với số tiền 32.879.016đ theo cam kết đào tạo đã được thỏa thuận giữa 02 bên là có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu ông L trả tiền lãi suất từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là 2.959.111đ: Xét do tranh chấp là yêu cầu trả tiền chi phí đào tạo bao gồm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của Công ty D.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty D, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L phải trả cho Công ty D chi phí đào tạo nghề, cụ thể số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2013 là 32.879.016đ.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo nên Công ty D không phải nộp án phí lao động phúc thẩm; sửa án phí lao động sơ thẩm, Công ty D phải nộp 1.132.000đ án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000đ án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận; ông L được miễn nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số: 11/2017/LĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Áp dụng khoản 3 Điều 36, Điều 48 và Điều 62 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn L về “tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc” đối với bị đơn Công ty cổ phần D.

Buộc Công ty cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn L tiền trợ cấp thôi việc là 34.152.000đ và tiền lãi chậm thanh toán là 3.585.960đ, tổng cộng là 37.737.960đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần D về “tranh chấp chi phí đào tạo nghề” đối với ông Ngô Văn L.

Buộc ông Ngô Văn L có nghĩa vụ thanh toán chi phí đào tạo nghề tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2013 cho Công ty cổ phần D số tiền là 32.879.016đ (ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm mười sáu đồng).

3. Về án phí: Công ty cổ phần D phải nộp số tiền 1.132.000đ án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000đ đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng cộng là 1.432.000đ. Được tính trừ vào số tiền 540.000đ tạm ứng án phí Công ty cổ phần D đã nộp (theo biên lai số 003481 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B) và số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Công ty cổ phần D đã nộp (theo biên lai số 009189 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B), Công ty cổ phần D còn phải nộp tiếp số tiền 592.000đ (năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa**